

Số: 48/2019/QĐST-HNGĐ

TD, ngày 26 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn DL, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị Ngô Thị V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 43, 55, 58, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các đương sự tự thỏa thuận giải quyết về tài sản riêng trước khi Tòa án hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận vào trong quyết định. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Ngô Thị V được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/9/2016. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng), từ tháng 8/2019 đến khi cháu T1 thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung, đất canh tác, công sức: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về tài sản riêng: Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả tài sản riêng cho chị Ngô Thị V 19.700.000đ (Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng) vào thời gian và số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 20/9/2019 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/10/2019 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/11/2019 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/12/2019 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/01/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/02/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/3/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/4/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/5/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/6/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/7/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/8/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/9/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/10/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/11/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/12/2020 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/01/2021 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/02/2021 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);
- Ngày 20/3/2021 trả 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

Nếu anh Nguyễn Văn T vi phạm một trong các kỳ hạn thanh toán nêu trên thì chị Ngô Thị Vui có quyền làm đơn đề nghị cơ quan Thi hành án, thi hành án đối với kỳ hạn vi phạm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Ngô Thị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T không thanh toán số tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng và số tiền tài sản riêng định kỳ hàng tháng nêu trên thì anh T phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4 Về án phí: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002779 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TD.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã DP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc

